

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Hoàng Vũ
- Bà Phan Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Diễm H, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Dương Nhật T, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh An Giang (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/05/2025, biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2025 nguyên đơn chị Trần Thị Diễm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T trên cơ sở yêu thương có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng ý kiến, tình cảm trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Dương Gia P, giới tính nam, sinh ngày 12/5/2022, hiện cháu P đang sống cùng chị H, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng, cấp dưỡng nuôi con đến khi tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh Dương Nhựt T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị H về mối quan hệ hôn nhân vợ chồng trên cơ sở tự nguyện yêu thương tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau, không còn yêu thương nhau. Nay anh T thống nhất ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 01 con chung là Dương Gia P, giới tính nam, sinh ngày 12/5/2022, hiện nay cháu P đang sống với chị H, anh đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng vào ngày 23 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng anh T thực hiện bắt đầu từ ngày 23/8/2025 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Diễm H với anh Dương Nhựt T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Dương Gia P, giới tính nam, sinh ngày 12/5/2022 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với cấp dưỡng nuôi con do chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng là 2.500.000 đồng nhưng anh T chỉ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cấp dưỡng từ ngày 23/8/2025 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Do các bên không thoả thuận được mức cấp dưỡng thì mức cấp dưỡng được xét không được thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú, lương tối thiểu vùng của xã V là vùng IV tương ứng là 3.450.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu P là 1.725.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị H xin ly hôn với anh T, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng ý kiến, tình cảm trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh T đồng ý ly hôn với chị H vì anh cho rằng vợ chồng không còn yêu thương nhau, mỗi người có cuộc sống riêng không tạo điều kiện cho nhau. Xét thấy, giữa chị H và anh T thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[4] *Về con chung:* Chị H và anh T có 01 người con chung tên Dương Gia P, giới tính nam, sinh ngày 12/5/2022, hiện cháu P do chị H đang nuôi dưỡng, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy anh T thống nhất giao con cho chị H nuôi dưỡng, hiện tại chị H đang trực tiếp nuôi con được đảm bảo được chính quyền địa phương ấp V, xã V xác nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thống nhất giao cháu Dương Gia P, giới tính nam, sinh ngày 12/5/2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa anh T cho rằng anh là tài xế chạy xe Taxi thuê sau khi trừ các khoản chi phí thu nhập còn lại hàng tháng là khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng nên anh chỉ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi, anh T cho rằng mức cấp dưỡng

2.500.000 đồng/tháng chị H yêu cầu là anh không có khả năng. Xét thấy, các bên không thống nhất được mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình xác định trong trường hợp các bên không có thoả thuận thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng không được thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng với mỗi người con. Đồng thời, căn cứ Phụ lục I Danh mục địa bàn cấp xã áp dụng mức lương tối thiểu (kèm theo Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý Nhà nước lĩnh vực nội vụ) theo đó xác định lương tối thiểu vùng địa bàn xã V là tương ứng vùng IV là 3.450.000 đồng nên buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng là 1.725.000 đồng, cấp dưỡng vào ngày 23 hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày 23/8/2025, cấp dưỡng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, chị H chịu án phí 75.000 đồng, anh T chịu án phí 75.000 đồng.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82; Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 6 năm 2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Căn cứ Phụ lục I Danh mục

địa bàn cấp xã áp dụng mức lương tối thiểu kèm theo Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý Nhà nước lĩnh vực nội vụ.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Diễm H và anh Dương Nhựt T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Gia P, giới tính nam, sinh ngày 12/5/2022 cho chị Trần Thị Diễm H trực tiếp nuôi dưỡng (cháu P hiện đang sống với chị H), anh Dương Nhựt T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.725.000đ (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng), cấp dưỡng vào ngày 23 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 23/8/2025 cho đến khi cháu Dương Gia P tròn 18 tuổi. Anh Dương Nhựt T có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trần Thị Diễm H chịu là 75.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011568 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - An Giang); chị Trần Thị Diễm H được nhận lại số tiền án phí 225.000 đồng.

Anh Dương Nhựt T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng và chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng tiền án phí anh T phải chịu là 375.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị đơn anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Khu vực 6- An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Phòng THADS Khu vực 6- An Giang;
- UBND xã Vĩnh Phong (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Phụng